

HỒI GIÁO CỦA NGƯỜI CHĂM Ở VIỆT NAM – NHỮNG YẾU TỐ BẢN ĐỊA

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Tóm tắt

Người Chăm là dân tộc duy nhất ở Việt Nam theo Hồi giáo. Hồi giáo thế giới có những luật lệ khắt khe nhưng khi du nhập vào cộng đồng người Chăm nó đã bị biến đổi rất nhiều và mang đậm tính nhân văn tộc người bởi sức sống mãnh liệt của truyền thống văn hóa bản địa. Đó chính là đặc trưng văn hóa Chăm – Nền văn hóa gắn liền và bị chi phối một cách mạnh mẽ bởi sự đan xen và dung hòa của tín ngưỡng và tôn giáo.

1. Người Chăm và Hồi giáo ở Việt Nam

1.1. Người Chăm ở Việt Nam

Người Chăm hiện nay cư trú khá tập trung trong các palei (hoặc puk) thuộc các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, An Giang và Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, họ còn sinh sống ở một số tỉnh Tây Nguyên nhưng không nhiều. Dân số Chăm hiện nay có 145.235 người*.

Về nguồn gốc, người Chăm được xếp vào nhóm Malayo-Polynesian (Nam Đảo). Có giả thuyết cho rằng các dân tộc này là con cháu của cư dân đến từ thế giới đảo. Có ý kiến cho rằng đó là cư dân đến từ phía Nam Trung Quốc (1). Những phát hiện về khảo cổ học những năm gần đây đưa ra một giả thiết rằng chủ nhân của nền văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung có thể là tổ tiên của người Chăm và các dân tộc Malayo-Polynesian khác ở Việt Nam hiện nay (2).

Do đặc điểm cư trú và bản sắc văn hóa mang tính địa phương, người Chăm ở Việt Nam được chia thành ba nhóm cộng đồng: Chăm Hroi (Chăm theo tín ngưỡng cổ truyền), Chăm Panduranga (ảnh hưởng của Ấn Độ giáo và Hồi giáo đã bị bản địa hóa), Chăm Nam Bộ (ảnh hưởng Hồi giáo chính thống). Sự phân hoá người Chăm thành 3 nhóm đã chứng tỏ ở cộng đồng này vấn đề dân tộc gắn bó chặt chẽ với vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng. Đồng thời, bản sắc dân tộc cũng được biểu hiện thông qua từng cộng đồng tôn giáo với những mức độ khác nhau.

1.2. Sự du nhập Hồi giáo vào Việt Nam

Hồi giáo (tiếng Ả Rập: الإسلام *al-'islām*), là một tôn giáo độc thần. Đây là tôn giáo lớn thứ hai trên thế giới, sau Kitô giáo, và là tôn giáo đang phát triển nhanh nhất về số lượng tín đồ. Được ra đời vào khoảng thế kỷ thứ 7 tại bán đảo Ả Rập, do Muhammad sáng lập, đạo Hồi chỉ tôn thờ Allah Đấng tối cao, Đấng duy nhất (tiếng Ả Rập: الله *Allāh*). Muhammad là vị Thiên sứ cuối cùng được Allah mặc khải Thiên Kinh Qu'ran (còn viết là Koran) qua Thiên sứ Gabriel. Hồi giáo trong tiếng Ả Rập là *Islam* nghĩa là "*vâng mệnh, quy phục Thiên Chúa*". Hồi giáo truyền sang Trung Quốc, được người Hồi Hồi (có nơi gọi là Hồi Hột) tiếp nhận. Người Trung Quốc thấy người Hồi Hồi theo tôn giáo lạ nên mới gọi là "*Hồi giáo*".

Đối với người Chăm, đặc biệt là người Chăm Nam Bộ ở Việt Nam thì vai trò của Hồi giáo rất lớn trong đời sống văn hoá và tâm linh. Trong lịch sử, vương quốc Chăm-pa tôn sùng Hindu giáo và đặc biệt là một nhánh của Hindu giáo (Shivaism). Điều này thể hiện trên hàng trăm đền tháp Hindu giáo và hàng trăm pho tượng và ngẫu tượng Siva, thần chủ Srisana Bhadresvana (Siva hai lần linh thiêng) còn được lưu giữ đến hiện nay hay được ghi chép trong bi ký.

Vậy Hồi giáo thâm nhập Chăm-pa vào lúc nào?

P. Ravaisse (1922) công bố hai bản chữ Arab do một viên sĩ quan hải quân Pháp phát hiện ở "*gần bờ biển miền Trung Việt Nam*". Bản dập thứ nhất chỉ dẫn ngôi mộ của một người tên là Abu Kamil có niên đại 21-11-1039. Bản thứ hai "*nét chữ thô xấu và sứt sứt hơn*" cho biết về một thông báo cho cộng đồng người Arab, Ba Tư cần phải cư xử như thế nào đối với dân bản địa trong giao tiếp và giao dịch. Bản dập thứ hai không có niên đại song cả hai cùng thời, có nét chữ "*thuần khiết Arap Phatimit*". Điều đó dẫn tới đoán định của P. Ravaisse về sự hiện diện của cộng đồng thương nhân Hồi giáo vào thế kỷ XI ở vương quốc Chăm-pa. Sự hiện diện của cộng đồng này chưa có căn cứ chắc chắn để khẳng định, mà hơn thế nữa nó cũng không ảnh hưởng hay có vai trò gì trong vương quốc cũng như triều đình Chăm-pa.

Đầu thế kỷ XIV, một nhà du lịch Hồi giáo người xứ Tanger (Ma Rốc) có tên là Ibn Batutah đi sang Trung Quốc có ghé qua một số nơi trên Biển Đông, qua xứ Tawalisi, được đoán định là Chăm-pa. Theo ông, ở đó Công chúa nói được tiếng Thổ và viết thạo chữ Arab. Một số nhà nghiên cứu cho rằng đây là bằng chứng sự hiện diện của Hồi giáo nhưng chưa có gì là chắc chắn cả. Trước khi đó, thế kỷ XIII, Marco Polo đã đến Chăm-pa và sau đó một chút, vào thế kỷ XIV, Odiric de Pordenone đều cũng có nhận xét khi dừng chân ở nước này, yết kiến nhà vua. Ở đây, vua và cả nhân dân đều sùng kính ngẫu tượng - muốn nhấn mạnh phong tục tôn thờ Hindu giáo.

Tống sử cũng nói tới một cộng đồng thương nhân Hồi giáo sống ở Nam Trung Hoa từ thế kỷ XIII. Thư tịch Trung Hoa thường dùng từ Bồ (trong bồ liễu), Bồ (trong bồ

cáo) dùng để chỉ người Arab Hồi giáo. Thực ra đây là cách gọi tắt của Abu-I-Hassan, tên sứ giả đầu tiên của người Arap tới Trung Hoa. Thư tịch Trung Hoa cũng cho biết có nhiều phái bộ sứ giả Chiêm Thành đến đất nước họ, trong đó có sứ giả họ Bồ. Champa nằm trên đường mậu dịch hàng hải Đông - Tây, cũng có một cộng đồng Arap Hồi giáo sinh sống trong khoảng trước- sau thế kỷ X, đóng vai trò tiếp xúc thương mại và ngoại giao (phiên dịch). Có thể đoán định đạo Hồi được truyền bá vào Java vào cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, đều xuất phát từ Champa và gắn liền với một số nhân vật hoàng tộc Champa. Nhưng thời gian này, ở Champa phần lớn triều đình và thường dân vẫn theo Hindu giáo.

Quá trình người Việt tiến xuống phía Nam (đặc biệt dưới thời chúa Nguyễn - Đàng Trong), xã hội Chăm ngày càng bị đẩy sâu về phía Nam. Một bộ phận người Chăm di cư vào An Giang, một bộ phận khác đến Compong Cham trên trung lưu sông Mê Công thuộc Campuchia ngày nay (Khoảng 70.000 người được gọi là Khomer Islam). Bộ phận này chủ yếu là người Chăm theo đạo Hồi, hoặc có quan hệ buôn bán với vùng đất phía nam từ trước, còn nhân dân và hoàng tộc cơ bản vẫn ở lại quê hương.

Đạo Hồi là một tôn giáo xuất hiện khá sớm ở Việt Nam nhưng không phổ biến mà chỉ trong một phạm vi nhỏ, chủ yếu của người Chăm ở miền Trung và miền Nam Việt Nam. Sự quá ngặt nghèo của nghi lễ Hồi giáo, sức sống trường tồn của văn hóa bản địa, sự ảnh hưởng sâu rộng của đạo Phật, đạo Hindu từ Ấn Độ và Trung Quốc, đạo Thiên chúa giáo với sự bảo trợ của các thuyền buôn và thực dân phương Tây... là những nguyên nhân cản bước đạo Hồi thâm nhập vào Việt Nam, thậm chí những khu vực đạo Hồi đã thâm nhập cũng biến đổi khá nhiều để phù hợp với văn hóa truyền thống của cư dân bản địa (đặc biệt là người Chăm Bani ở Ninh Thuận và Bình Thuận).

1.3. Đặc điểm Hồi giáo của người Chăm ở Việt Nam

Người Chăm theo đạo Hồi ở Việt Nam chia thành hai nhánh: Chăm Bani (một bộ phận Chăm Islam) ở miền Trung và Chăm Islam ở Nam Bộ.

Người Chăm theo Hồi giáo ở Ninh Thuận và Bình Thuận là những người “*Hồi sớm*”, tức là đến sớm mà không sâu, căn bản vẫn là Chăm, lưu giữ và pha trộn nhiều tập tục Hindu trong tín ngưỡng và cấm kỵ Hồi giáo. Họ không theo đầy đủ, không đúng quy tắc và không liên hệ gì với thế giới Hồi giáo cũng như với những đồng đạo của mình ở miền Nam. Họ không biết giáo lý Hồi giáo, không biết chữ Arab, không thông hiểu kinh Coran (chỉ một vài người đứng đầu có thể đọc được kinh Coran bằng tiếng Arab nhưng không phải tiếng Arab hiện đại).

Cộng đồng người Chăm ở miền Trung hình thành hai thực thể khác nhau, sống bên cạnh nhau. Người Chăm theo tôn giáo truyền thống (Hindu giáo) tự gọi mình là Chăm Balamôn hay Chăm Jat (tiếng Phạn Jati = gốc, nguồn gốc), còn người Chăm theo Hồi giáo tự gọi mình là Chăm Bani (tiếng Arab thì Beni = con, tức là con cháu của thánh Allah) và gọi người Chăm Jat là Chăm Kaphir “*vô đạo*”... Mỗi nhóm theo những phong

tục, tập quán, quy tắc khác nhau... Tuy nhiên, họ không có thái độ kỳ thị nhau, cùng tổ chức và tham dự lễ hội cổ truyền: lễ Kate, Chabun và các nghi lễ truyền thống khác.

Còn lại người Chăm ở Nam Bộ là những tín đồ Hồi giáo nhiệt thành. Mỗi làng hay mỗi cụm làng là một giáo khu, có một thánh thất, nhiều khi chỉ là một căn nhà lớn hơn nhà bình thường một chút. Cả vùng có một thánh đường và một lớp học xây gạch. Mỗi khu có một trưởng giáo khu, một số phó giáo khu (kalik) và một số giảng sư (hadii), chừng 10 người, còn gọi là Guru (vốn là cách gọi pháp sư Hindu giáo đã được chuyển nghĩa, mà âm địa phương gọi là Ong Khù). Những vị này được đào tạo cẩn thận, học tại Kelantan (Malaysia) hay Mecca (Arap Seut), trở thành những người Monomat Koruan, thông thuộc và giải thích được kinh Coran. Ngoài ra, có một số vị tư tế (Imân) và một số vị phó tư tế (Ketip/Katip) là những người trông coi tín đồ trong phạm vi hẹp hơn, cũng có thể theo dõi và hướng dẫn nghi lễ Hồi giáo.

Người Chăm Hồi giáo Nam Bộ còn giữ được nhiều nghi lễ và quy tắc của đạo Hồi chính thống hơn so với đồng đạo của họ ở miền Trung, đặc biệt là những kiêng kị và tâm nguyện hành hương đến thánh địa Mecca. Hiện nay họ có khuynh hướng giao lưu với các tín đồ Hồi giáo chính thống ở các quốc gia Đông Nam Á như Indonexia, Malaixia... và có quan hệ khá gắn bó với cộng đồng Islam trên thế giới.

2. Tính bản địa trong Hồi giáo của người Chăm ở Việt Nam

Đạo Hồi được đánh giá là một tôn giáo khắc nghiệt, với hàng loạt các điều kiêng kỵ và quy tắc đối với các tín đồ, đòi hỏi họ phải thực hiện triệt để. Tuy nhiên, đạo Hồi du nhập và tồn tại trong cộng đồng người Chăm đã bị cải biến và đơn giản hoá rất nhiều để dung hoà với văn hoá của cư dân sở tại. Do vậy, đạo Hồi của người Chăm ở Việt Nam mang nhiều yếu tố bản địa. Nó thể hiện ở các điểm sau:

2.1. Về giáo lý Hồi giáo

Giáo lý và các quy định của đạo Hồi rất nghiêm ngặt cho toàn thể tín đồ Hồi giáo trên thế giới. Đối với một tín đồ Hồi giáo thì “*năm hành vi tôn giáo*” có tính bắt buộc để mỗi tín đồ chứng minh mình là người Hồi giáo - người có niềm tin duy nhất vào thánh Alla. Năm hành vi tôn giáo bắt buộc đó là: Lễ nguyện Salat (Mỗi tín đồ cầu nguyện 5 lần một ngày); Tháng chay Ramanda; Zakah (Bố thí); Haji (Hành hương về thánh địa Mecca); Jihad (Thánh chiến để bảo vệ Hồi giáo)

Người Chăm Hồi giáo ở Việt Nam, kể cả những tín đồ Chăm Hồi giáo nhiệt thành ở Nam Bộ, do ảnh hưởng truyền thống chuộng hoà bình của dân tộc và các chính sách phù hợp đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước nên việc thực hiện năm hành vi tôn giáo đã được cải biến:

-Tin tưởng Thượng đế Allah là tối cao duy nhất, và Muhammad là sứ giả cuối cùng của Allah, là người khai sáng Islam.

- Mỗi ngày đêm phải cầu nguyện đủ 5 lần.

- Phải ăn chay trọn tháng Ramadan.

- Phải bố thí để giúp đỡ người khó khăn hơn mình.

- Nếu có khả năng thì ít nhất một lần trong đời hành hương về thánh địa Mecca (Saudi Arabia) để làm lễ Haji (4).

Người Chăm Hồi giáo ở Việt Nam đặc biệt là những người Chăm Hồi giáo ở Nam Bộ tuân thủ khá chặt chẽ những giáo lý, giáo luật của Hồi giáo chính thống. Họ đã thay đức tin “*Thánh chiến để bảo vệ Hồi giáo*” bằng đức tin “*Tin tưởng Thượng đế Allah là tối cao duy nhất, và Muhammad là sứ giả cuối cùng của Allah, là người khai sáng Islam*”.

Khác với người Chăm Islam ở Nam Bộ, người Chăm Bani ở Ninh Thuận và Bình Thuận tin vào Allah như một đấng tối cao nhưng không phải là duy nhất. Họ vẫn tôn thờ các vị thần trong tín ngưỡng truyền thống như Thần Mưa, Thần Núi, Thần biển... Họ vẫn thực hiện các nghi lễ nông nghiệp theo tín ngưỡng dân gian như lễ cầu xin thần Mẹ Xứ Sở (Rija Nugar), lễ cầu mưa (Yor Yang), lễ cầu thần Sóng Biển (Plao Pasah), lễ chặn dầu nguồn (Kap Hlâu Krong)... Người Chăm Bani cầu nguyện 3 lần/ ngày; không nhịn ăn ban ngày vào tháng Ramuwan mà chỉ có giáo sĩ nhịn ăn ba ngày đầu tháng mà thôi. Họ cũng không hành hương tới thánh địa La Mecque. Tín bản địa trong Hồi giáo của người Chăm ở nước ta được xuất phát và gìn giữ bởi nền tảng văn hoá truyền thống Chăm pa cổ.

2.2. Về hôn nhân, gia đình

Giáo lý Hồi giáo giành quyền ưu thế tuyệt đối cho đàn ông trong quan hệ hôn nhân. Kinh Koran xác nhận uy quyền của đàn ông đối với đàn bà: "*Đàn ông có quyền đối với đàn bà vì Chúa sinh ra đàn ông cao quý hơn đàn bà.... Đối với những phụ nữ không biết vâng lời, đàn ông có quyền ruồng bỏ, không cho nằm chung giường và có quyền đánh đập*" (Koran 4:34). Đàn ông có quyền lấy nhiều vợ nhưng đàn bà chỉ được lấy một chồng. Người đàn bà ngoại tình sẽ bị đem ra nơi công cộng để mọi người ném đá đến chết. Một quy định khác của Hồi giáo thường được các tín đồ hết sức coi trọng và tuân thủ nghiêm ngặt là hôn nhân đồng đạo. Không có hôn nhân ngoài Hồi giáo. Nếu có xảy ra cuộc hôn nhân này thì người ngoại đạo phải cải theo đạo Hồi trước khi cử hành hôn lễ.

Tuy nhiên, trong xã hội Chăm truyền thống cũng như hiện tại ở nước ta vấn đề hôn nhân và gia đình của người Chăm Hồi giáo (đặc biệt là Chăm Bani ở miền Trung Việt Nam) có rất nhiều cải biến để phù hợp với truyền thống dân tộc và

luật pháp Việt Nam, thập chí có những tác động để cải biến các giáo lý Hồi giáo khắt khe.

Người Chăm ở Việt Nam theo mẫu hệ, con cái tính theo dòng mẹ, người phụ nữ trong nhà nắm giữ nhiều của cải, quyết định mọi hình thức cưới hỏi. Đạo Hồi đã đem phụ hệ, phụ quyền vào đời sống Chăm nhưng đã dung hoà với phong tục truyền thống Chăm:

+ Trong hôn nhân có sự bình quyền tương đối giữa nhà trai và nhà gái, cho tự do tìm hiểu giữa nam nữ trước hôn nhân.

+ Cho phép kết hôn con chú, con dì.

+ Cho phép con mang cả họ mẹ và họ cha.

+ Chú rể – chồng bắt buộc phải ở lại nhà vợ 2 - 3 tháng (ở nông thôn) hay 3 - 4 ngày ở thành thị sau ngày cưới. Người Chăm theo mẫu hệ, họ chỉ có tục đưa rể chứ không đón dâu. Chú rể được đưa sang nhà cô dâu và mọi thủ tục, nghi lễ được thực hiện bên nhà gái.

+ Con trai có thể đi hỏi vợ nhưng phải mang theo 2, 3 bà chị hoặc bạn của mẹ.

+ Khi ly hôn, theo luật pháp người đàn ông được chia tài sản nhưng phần lớn họ ra đi tay không.

+ Người đàn ông có quyền lấy 4 vợ nhưng rất hiếm trường hợp người đàn ông Chăm lấy hơn một vợ (6) (Luật pháp Việt Nam không cho phép).

+ Người Chăm có thể tục huyền khi vợ hoặc chồng chết, tuy nhiên người đàn bà phải ở vậy trong 10 tháng để xác định dòng máu của đứa con sau này (có nơi người ta chỉ bắt buộc người phụ nữ ở vậy trong 3 tháng để xác định có thai hay không). Mặc dù có sự ngự trị của chế độ phụ hệ nhưng gia đình mẹ vợ (nếu như có điều kiện kinh tế) giúp đỡ người con gái xây dựng nhà cửa bên cạnh nhà mình, nhất là với người con gái út (huyết thống theo dòng mẹ và theo đấng con gái út).

Đối với người Chăm Bani, trước đây họ cũng tuân thủ nguyên tắc hôn nhân đồng tôn giáo. Những năm gần đây, người Chăm Bani ở Bình Thuận đã có những cuộc hôn nhân không cùng tôn giáo, được cộng đồng và các chức sắc chấp nhận. Tuy nhiên, trong những cuộc hôn nhân như thế, người ngoại đạo không phải cải thành đạo Hồi nhưng phải đáp ứng 3 điều kiện: phải biết tiếng và chữ Chăm cổ truyền; phải chịu lễ Katat (nếu là đàn ông) hoặc lễ Karoh (nếu là phụ nữ) và phải tuân thủ đầy đủ các nghi lễ Hồi giáo Bani; khi chết không được chôn chung vào nghĩa địa của dòng họ mà phải chôn riêng.

2.3. Đối với người phụ nữ

Giáo lý Hồi giáo có những quy định khắt khe đối với phụ nữ trong hôn nhân và vai trò của họ trong gia đình và xã hội. Tuy nhiên, giáo lý Hồi giáo trong cộng đồng người Chăm ở Việt Nam đối với người phụ nữ khá dung hoà trong quan hệ giới và quan hệ xã hội.

Tùy theo luật pháp và phong tục tập quán của mỗi dân tộc, cũng như do sự biến chuyển của lịch sử, số phận của phụ nữ Hồi Giáo cũng thay đổi nhưng đạo Hồi vẫn quyết định phần lớn số phận của họ. Họ phải che kín toàn thân khi ra đường, chỉ được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản so với đàn ông, giá trị phụ nữ trước pháp luật chỉ bằng $\frac{1}{2}$ so với đàn ông, không được ngoại tình Tuy nhiên phụ nữ Chăm theo Hồi giáo ở Việt Nam không bị những quy định quá ngặt nghèo chi phối như phụ nữ ở các quốc gia Hồi giáo khác, kể cả là những người Chăm ở Nam Bộ được coi là những người Chăm Hồi giáo chính thống.

Trong gia đình, người phụ nữ lớn tuổi vẫn rất được coi trọng. Nó thể hiện truyền thống mẫu hệ còn ảnh hưởng khá mạnh đến đời sống tộc người. Ở đây, người phụ nữ không chỉ giữ vai trò chủ đạo trong quản lý kinh tế và điều phối các hoạt động trong gia đình mà còn có vai trò trụ cột trong đời sống tâm linh và tinh thần nói chung. Người phụ nữ Chăm Hồi giáo ở thành phố Hồ Chí Minh không chỉ là người nội trợ mà còn là người buôn bán rất giỏi, là công nhân, ca sĩ, giáo viên, giảng kinh Qur'an ở thánh đường và nhà riêng. Họ không phải cầm cung, được học hành và giao tiếp rộng rãi, không phải mang mạng che mặt, mặc áo dài tay hay có người lớn đi kèm khi ra đường... như phụ nữ ở các quốc gia Hồi giáo khác (7). Các quy định của giáo lý Hồi giáo trong người Chăm ở Việt Nam đã bị bản địa hoá nhiều, có hướng mở cho phụ nữ Chăm trong quan hệ gia đình và xã hội.

2.4. Kiến trúc thánh đường

Đại diện nổi bật của kiến trúc Hồi giáo trước hết là các thánh đường. Điều mà mọi người để ý đến đầu tiên ở một thánh đường Hồi giáo là các ngọn tháp cao với mái vòm bên cạnh thánh đường, thường gắn một ngôi sao và vành trăng lưỡi liềm vốn là biểu tượng của đạo Hồi, vào trong là một cái sân cầu nguyện rộng rãi. Ở đó thường có một bể nước để dùng vào việc thanh tẩy trước khi cầu nguyện, và đó cũng là nơi hội họp ưa thích của cộng đồng. Nội thất thánh đường đơn giản. Với kiến trúc như vậy, thánh đường Hồi giáo thể hiện rất rõ hai định hướng của đạo Hồi, hướng đến Thượng đế và hướng đến cộng đồng tín đồ, được biểu tượng bằng Mecca là trung tâm trên trần thế. Tất cả mọi kiến trúc thánh đường đều hướng về thánh địa Mecca.

Trong khu vực sinh sống của người Chăm Bani ở miền Trung, mỗi làng cũng có một thánh đường (tiếng Chăm là Thang Murgik – nhà làm lễ cầu nguyện, Thang Pô - nhà thánh hay thánh đường, Thang Dhat – nhà phước), Tuy nhiên, kiến trúc thánh đường Bani khác với Islam. Thánh đường Bani gọi là Chùa, có kiến trúc gắn với nhà tục (thang

Yor) truyền thống nhưng mở ở đầu hồi hướng đông (hướng thần thánh trong tín ngưỡng của Hindu giáo) và không xuất hiện tháp đỉnh vòm trên nóc thánh đường. Thánh đường của người Chăm không chỉ nơi cầu nguyện mà còn là nơi hội họp các việc làng, là nơi tân phong của các tu sĩ...

2.5. Một số nghi lễ tôn giáo

Một số nghi lễ tôn giáo Hồi giáo của người Chăm ở Việt Nam đã bị bản địa hoá, giản lược và mang nhiều yếu tố tín ngưỡng cổ truyền:

2.5.1. Nghi lễ thành niên

Hồi giáo quy định nghi lễ thành niên đối với mọi thành viên trong xã hội. Nghi lễ này nhằm chứng nhận một người đã đến tuổi trưởng thành hay có quyền kết hôn. Đối với nam giới phải thực hiện nghi lễ làm cuộc tiểu phẫu ở bộ phận sinh dục là cắt bao quy đầu bằng dao sắc (lễ Khotan), đối với nữ giới cũng phải chịu lễ rạch màng trinh bằng dao sắc có sát trùng (lễ Karoh). Tuy nhiên, khi đạo Hồi truyền bá vào người Chăm ở Việt Nam nó đã bị giản lược đi nhiều, chỉ còn mang tính tượng trưng kể cả với cộng đồng người Chăm Hồi giáo ở Nam Bộ gần gũi với Islam chính thống.

Người Chăm theo Hồi giáo ở Việt Nam quy định con trai, con gái đến 15 tuổi là coi như bước vào tuổi trưởng thành. Họ phải thực hiện nghi lễ thành đinh. Khi thực hiện nghi lễ Khotan cho nam giới (Nghi lễ này đã được dịch là Katat đối với người Chăm Bani ở Bình Thuận), nhiều chàng trai thực hiện một lần. Họ phải dựng một chiếc lều đơn giản ở khu vực khuất nẻo trong làng, trải chiếu trên đó bày một bộ đồ pha trà, một ít trà khô và thuốc lá, một tô to đầy nước và trứng vịt để thầy Achar làm lễ. Đến giờ hành lễ, các chàng trai phải tập trung trước cửa lều, thầy Achar gọi lần lượt từng người vào làm lễ. Ông cầu kinh, một tay cầm bao quy đầu của chàng trai, một tay cầm thanh tre cật đã được chuốt mỏng hoặc một con dao đưa qua đưa lại ở đầu dương vật của người chịu lễ. Sau đó, thầy Achar lấy một quả trứng vịt xoa vào chỗ vừa giả vờ cắt. Đây chỉ là nghi lễ tượng trưng, mô phỏng động tác thực sự cắt bao quy đầu của người chịu lễ Khotan truyền thống Hồi giáo. Qua nghi lễ này, có thể thấy quá trình đạo Hồi chính thống bị pha loãng trong xã hội truyền thống của người Chăm để trở thành Hồi giáo Bani, nghi lễ Khotan hà khắc của Hồi giáo chính thống (cắt da bao quy đầu thật sự) đã thích nghi với xã hội Chăm và trở thành một nghi thức mang tính tượng trưng (8).

Nữ giới cũng phải tham gia nghi lễ thành niên gọi là Karoh. Nghi thức này đối với nữ giới cũng mang tính tượng trưng so với các quốc gia Hồi giáo chính thống. Lễ này cũng được làm tập thể cho các cô gái trong vùng. Họ phải làm hai cái rạp: Cái lớn thờ thánh Allah, cái nhỏ để các cô gái chịu lễ thay quần áo và ở đó trong suốt thời kỳ làm lễ. Các thiếu nữ không được ra ngoài với bất kỳ lý do gì. Người làm lễ này gồm có thầy chính gọi là Po Grù, hai thầy phụ gọi là Imun. Sau một đêm trôi qua, các cô gái mặc quần áo chỉnh tề mới bước ra rạp nhỏ. Họ sang rạp lớn chờ các thầy ban phép. Chỗ các thầy

làm lễ ban phép có một cái bát lớn đựng nước phép và một cành lá thom, một cái kéo. Đến giờ làm lễ, các thầy đọc kinh, rồi ra hiệu cho từng người một vào quỳ đối diện với thầy chính (Pô-Grù). Thầy để vào lưỡi người thiếu nữ vài hạt muối, rồi lấy kéo cắt một ít tóc trên đỉnh đầu và cho uống một ngụm nước phép. Sau đó người nhà dâng lễ ăn sáng cho các thầy. Khi vào dâng lễ, người nhà và họ hàng phải mặc toàn đồ trắng tượng trưng cho sự trinh bạch đến chào người thiếu nữ vừa chịu lễ xong.

2.5.2. Tục thờ cúng tổ tiên

Người theo Hồi giáo chỉ có một niềm tin duy nhất là: “*Tin tưởng Thượng đế Allah là tối cao duy nhất, và Muhammad là sứ giả cuối cùng của Allah, là người khai sáng Islam*”. Tuy nhiên, người Chăm ở Việt Nam (đặc biệt là người Chăm Bani ở miền Trung Việt Nam) vẫn còn lưu giữ và coi trọng tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Họ quan niệm những người trong gia đình, khi mất đi vẫn có ảnh hưởng rất nhiều tới những người còn sống. Trách nhiệm này người Chăm giao cho người đàn ông đã thành niên (đã trải qua lễ Katat). Cùng với những người anh em trai của mình và những người đàn ông là anh em ruột của mẹ mình, họ chịu trách nhiệm chăm lo đời sống tâm linh và xử lý mọi công việc của gia đình cha mẹ và gia đình những người chị gái ruột đã tách hộ ở riêng nhưng vẫn giữ việc thờ cúng tổ tiên chung tại gia đình mẹ. Người đàn ông thành niên chịu trách nhiệm trình báo, xin phép tổ tiên của gia đình mẹ mình khi có những việc lớn trong nhà như làm nhà, dựng vợ gả chồng, ma chay hay trong các dịp lễ tết cổ truyền. Cho dù sau này lập gia đình, sang ở nhà vợ thì người đàn ông Chăm Hồi giáo Bani vẫn phải có trách nhiệm với việc cúng tế tại gia đình mẹ và gia đình các chị em gái mình mỗi khi có việc cần.

Lễ Tảo mộ là một trong 5 nghi thức của chuỗi lễ hội Ramurwan, nó giống như tiết thanh minh của người Việt.

Lễ hội tảo mộ diễn ra trước tháng ăn chay Ramurwan 3 ngày, bắt đầu từ ngày mùng Một tháng Chín của lịch Hồi giáo. Tảo mộ là nghi thức cúng viếng ông bà, tổ tiên. Trước đó từ ngày 25 tháng 8 lịch Islam, các làng Chăm Bani bắt đầu đi rầy mả (tảo mộ), rước vong linh ông bà tổ tiên về nhà, lập bàn thờ tạm, tổ chức lễ cúng ông bà trước khi đưa lên Chùa (Thánh đường Hồi giáo). Tháng Ramurwan kết thúc bằng lễ ra chùa, còn gọi là lễ xá chay. Từ nghi lễ tưởng nhớ trong đạo Hồi, đến với cộng đồng người Chăm, nó trở thành nghi lễ tưởng nhớ và thờ cúng tổ tiên mạng đậm văn hoá truyền thống bản địa Đông Nam Á.

Dưới mức độ ảnh hưởng đậm hay nhạt của văn hoá Hồi giáo ở hai cộng đồng người Chăm Bani ở miền Trung hay Chăm Islam ở Nam Bộ, văn hoá bản địa và Balamôn giáo của người Chăm vẫn được lưu truyền trong nhiều trạng thái của nghi lễ Hồi giáo. Nó thể hiện sức sống dẻo dai và mãnh liệt của văn hoá truyền thống của người Chăm, tạo dựng nền văn hoá Việt Nam hiện đại thống nhất trong đa dạng, mang đậm bản sắc văn hóa tộc người.

Kết luận

Trong quá trình lịch sử, sự hoà trộn các yếu tố văn hoá nội sinh và ngoại sinh đã hình thành một nền văn hoá Chămpa phong phú về nội dung và đa dạng về diện mạo. Tại mỗi vùng cư trú của người Chăm, quá trình giao lưu, tiếp xúc với yếu tố văn hoá bên ngoài (văn hoá Ấn Độ và Hồi giáo) đã hình thành những sắc thái văn hoá đặc thù mang đậm tính bản địa.

Hồi giáo truyền bá vào Việt Nam đã đem những văn minh và cả những giáo luật khắt khe đến với cộng đồng Chăm nước ta. Tuy nhiên, quá trình tiếp xúc với văn hoá bản địa, Hồi giáo trong cộng đồng người Chăm đã bị phân hoá làm hai bộ phận tách biệt là Chăm Bàni và Chăm Islam với những đặc trưng tôn giáo và văn hoá riêng.